

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-02-2018.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Bé Bảy;

Bà Trần Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Kim H, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: ông Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:

Được sự cho phép của gia đình bà và ông V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông V không lo làm ăn, vay tiền nhưng chỉ ăn chơi hoang phí do đó bà mất niềm tin và không thể chung sống với ông V. Bà và ông V đã không còn chung sống với nhau từ 2015 đến nay. Bà nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với ông V nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc V.

- Về con chung: có 01 người con chung tên Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 09/02/2013, hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: nợ bà Nguyễn Thị L ở Khóm A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cà Mau 10.000.000 đồng. Nợ bà tự trả không yêu cầu.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 12/12/2017 bà Nguyễn Thị L xác định ông V và bà H có nợ bà số tiền 10.000.000 đồng. Bà và bà H đã tự thỏa thuận với nhau về số nợ này không yêu cầu Tòa án giải quyết và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Quốc V nhưng được chính quyền địa phương xác định ông V đi làm có khi về nhà có khi không nên Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho ông V vì vậy đã tiến hành niêm yết các văn bản của Tòa án theo quy định. Tại phiên tòa, ông V không có mặt mà không có lý do, bà L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà H và ông V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn vì vậy bà H yêu cầu ly hôn với ông V. Do bà H và ông V không đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà H với ông V là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà H và ông V có 01 người con chung tên Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 09/02/2013, hiện đang sống với bà H. Xét thấy con chung hiện đang sống với bà H, ông V không có ý kiến đối với yêu cầu của bà H vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi con chung. Giao con chung tên Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 09/02/2013, cho bà H nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: bà H xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Nợ chung: bà H và bà L xác định, bà H và ông V có nợ bà số tiền 10.000.000 đồng nhưng bà L đã tự thỏa thuận với bà H và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 14, 51, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Quốc V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 09/02/2013, cho bà Nguyễn Kim H nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung: bà H xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- Nợ chung: Bà H xác định bà và ông V nợ bà Nguyễn Thị L số tiền 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Kim H phải chịu 300.000 đồng, bà H đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0011708 ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M được chuyển thu án phí khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Bà Nguyễn Kim H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án DS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**